HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ TỈNH BẮC GIANG NĂM 2023	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29 /TB-HĐ	*Bắc Giang, ngày*10 *tháng 4 năm 2024*

THÔNG BÁO
Thí sinh trúng tuyển viên chức y tế tỉnh Bắc Giang năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 20/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xét tuyển viên chức Y tế năm 2023; Hội đồng thông báo danh sách thí sinh trúng tuyển (nguyện vọng 1) viên chức y tế tỉnh Bắc Giang năm 2023 *(danh sách kèm theo Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng tuyển viên chức y tế năm 2023)*;

Để việc quyết định tuyển dụng và trao quyết định tuyển dụng được nhanh chóng và đảm bảo đúng quy định, Hội đồng đề nghị các thí sinh trúng tuyển thực hiện một số nội dung sau:

1. Hoàn thiện hồ sơ miễn tập sự và xếp lương

Thí sinh trúng tuyển viên chức y tế năm 2023, đủ điều kiện miễn tập sự theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ[1] và khoản 12 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ[2], gửi hồ sơ đề nghị miễn tập sự và xếp lương về Sở Nội vụ (qua phòng Công chức viên chức) chậm nhất trong ngày **15/4/2024** (sau thời gian trên Sở Nội vụ không giải quyết), hồ sơ miễn tập sự (bản photo có chứng thực) gồm:

- Đơn đề nghị miễn tập sự và xếp lương (theo mẫu);
- Bằng tốt nghiệp, bảng điểm;
- Hợp đồng lao động có tham gia BHXH bắt buộc;
- Sổ Bảo hiểm xã hội;
- Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

2. Nhận quyết định tuyển dụng và đối chiếu hồ sơ

- Thí sinh trúng tuyển nhận Quyết định tuyển dụng vào ngày **19/4/2024** (thứ Sáu).

+ ***Buổi sáng:*** đối với thí sinh trúng tuyển vào các Bệnh viện, Trung tâm y tế thành phố Bắc Giang, Trung tâm y tế huyện: Tân Yên, Yên Thế, Trung tâm y tế các Khu công nghiệp, Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang, Phòng khám đa khoa giao thông vận tải.

+ ***Buổi chiều:*** đối với thí sinh trúng tuyển vào Trung tâm y tế huyện: Việt Yên, Lạng Giang, Lục Ngạn, Hiệp Hòa, Lục Nam, Yên Dũng.

- Địa điểm: Sở Nội vụ (tầng 1 Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Bắc Giang).

---

[1] quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

[2] Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

*** Thành phần hồ sơ đối chiếu:**

- Bản chính (01 bộ dùng để đối chiếu), gồm:

+ Bằng tốt nghiệp, bảng điểm (hoặc học bạ) và các giấy tờ khác (nếu có) theo quy định tại khoản 1 Mục IV Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 20/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang);

+ Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân;

+ Giấy tờ cộng điểm ưu tiên *(theo quy định tại điểm c khoản 1 Mục IV Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 20/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang).*

- Bản sao hoặc photo chứng thực (01 bộ dùng để nộp, lưu hồ sơ): Gồm đầy đủ các loại giấy tờ nêu trên.

* Đối với các thí sinh đã nộp hồ sơ miễn tập sự, khi nhận quyết định tuyển dụng chỉ cần mang Bằng tốt nghiệp, bảng điểm, giấy tờ cộng điểm ưu tiên **bản chính** để đối chiếu.

3. Ký kết hợp đồng làm việc và nhận việc

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng viên chức phải đến đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức để ký hợp đồng làm việc và nhận việc. Trường hợp người được tuyển dụng viên chức không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc không đến ký hợp đồng làm việc và nhận việc trong thời hạn nêu trên thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức, Sở Y tế có văn bản đề nghị gửi Sở Nội vụ hủy bỏ quyết định tuyển dụng.

Lưu ý:

- Thí sinh trúng tuyển dụng viên chức y tế năm 2023 chủ động nộp lý lịch tư pháp trước ngày 12/5/2024 tại cơ quan, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng viên chức y tế năm 2023. Sở Y tế, Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang, các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên gửi lý lịch tư pháp về Sở Nội vụ ngày 17/5/2024.

- Trường hợp thí sinh trúng tuyển bị sai về thông tin: Ngày, tháng, năm sinh...đề nghị liên hệ Sở Nội vụ SĐT: 02043.554.908 trong giờ hành chính.

4. Trường hợp trúng tuyển nguyện vọng 2

Sau 30 ngày kể từ ngày phát quyết định tuyển dụng thí sinh trúng tuyển nguyện vọng 1, Hội đồng thông báo công khai danh sách thí sinh trúng tuyển nguyện vọng 2 và các chỉ tiêu còn thiếu để thí sinh đăng ký nguyện vọng (dự kiến thời gian thông báo ngày 25/5/2024)./.

Nơi nhận:
- Sở Y tế;
- Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang;
- Đơn vị SNCL tự đảm bảo CTX ngành y tế;
- Lưu: VT, TKHĐ.

TM. HỘI ĐỒNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

SỞ NỘI VỤ

- GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
Vũ Mạnh Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

SAO Y; SỞ NỘI VỤ TỈNH BẮC GIANG; 10/04/2024 15:46:56

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ TỈNH BẮC GIANG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 672 /QĐ-UBND ngày 09 /4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
	A		**ĐƠN VỊ TỰ CHỦ**														
			BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH														
			Các khoa														
			Bác sỹ đa khoa: chỉ tiêu: 08; trúng tuyển: 08														
1	1	**0090**	Đỗ Văn	Thao	Nam	08/12/1998	TT. Nếnh, Việt Yên	ĐH	Y khoa	Khá	2,99			99	99	Trúng tuyển	
2	2	**0102**	Lục Văn	Uy	Nam	08/04/1999	Quý Sơn, Lục Ngạn	ĐH	Đa khoa	Khá	7,52			85,5	85,5	Trúng tuyển	
3	3	**0071**	Bạch Kim	Ngân	Nữ	29/10/1999	Phương Sơn, Lục Nam	ĐH	Y khoa	Khá	2,91			84	84	Trúng tuyển	
4	4	**0021**	Phùng Tiến	Hải	Nam	21/02/1999	Bích Động, Việt Yên	ĐH	Y khoa	Khá	2,91			79	79	Trúng tuyển	
5	5	**0047**	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	25/08/1997	Đại Hóa, Tân Yên	ĐH	Y khoa	Giỏi	3,28			77	77	Trúng tuyển	
6	6	**0049**	Phạm Thúy	Hường	Nữ	20/10/1999	Tiến Dũng, Yên Dũng	ĐH	Y khoa	Khá	3,04			76	76	Trúng tuyển	
7	7	**0007**	Hoàng Văn	Bình	Nam	28/09/1995	TT. Tân An, Yên Dũng	ĐH	Y khoa	TBK	6,78			74	74	Trúng tuyển	
8	8	**0037**	Phạm Thị	Hoa	Nữ	16/02/1997	Đồng Kỳ, Yên Thế	ĐH	Y khoa	Giỏi	3,31			74	74	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
			Điều dưỡng đa khoa (ĐH): chỉ tiêu: 02; trúng tuyển: 02														
9	1	**0256**	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	21/06/1996	Đồng Phúc, Yên Dũng	ĐH	Điều dưỡng	Khá	2,88			83	83	Trúng tuyển	
10	2	**0223**	Phạm Thị Yến	Nhi	Nữ	24/04/2000	Nghĩa Trung, Việt Yên	ĐH	Điều dưỡng	Khá	3,13			78	78	Trúng tuyển	
			Điều dưỡng GMHS (ĐH): chỉ tiêu: 02; trúng tuyển: 01														
11	1	**0178**	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	21/6/2001	Thanh Hải, Lục Ngạn	ĐH	Điều dưỡng	Khá	2,54			50	50	Trúng tuyển	
			Kỹ thuật y Chẩn đoán HA/XQ (ĐH): chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
12	1	**0475**	Hoàng Văn	Vỹ	Nam	12/4/1999	Vô Tranh, Lục Nam	ĐH	Kỹ thuật hình ảnh y học	TBK	7,00			93	93	Trúng tuyển	
			Hộ sinh ĐH: chỉ tiêu: 02; trúng tuyển: 02														
13	1	**0514**	Lều Thị Phương	Thảo	Nữ	02/01/1997	P. Đa Mai, TP. Bắc Giang	ĐH	Hộ sinh	Giỏi	3,34			76,5	76,5	Trúng tuyển	
14	2	**0513**	Lương Thị Yến	Đan	Nữ	10/7/2000	P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang	ĐH	Hộ sinh	Khá	3,15			72	72	Trúng tuyển	
			Trung tâm Bảo vệ CSSKCB tỉnh														
			Bác sỹ đa khoa chỉ tiêu: 03; trúng tuyển: 03														
15	1	**0033**	Ngô Trung	Hiếu	Nam	14/01/1999	P. Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang	ĐH	Y khoa	Khá	2,73			68	68	Trúng tuyển	
16	2	**0032**	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	19/09/1999	Minh Đức, Việt Yên	ĐH	Y khoa	Khá	2,56			66	66	Trúng tuyển	
17	3	**0072**	Trần Đại	Nghĩa	Nam	07/01/1999	TT. Kép, Lạng Giang	ĐH	Đa khoa	TBK	6,83	DT	5	57	62	Trúng tuyển	
			Điều dưỡng đa khoa (ĐH): chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
18	1	**0202**	Nguyễn Đắc	Hùng	Nam	11/05/1985	Nghĩa Phương, Lục Nam	ĐH	Điều dưỡng	Khá	3,17			58	58	Trúng tuyển	
			Trung tâm Giám định Y khoa														
			Bác sỹ đa khoa: chỉ tiêu: 02; trúng tuyển: 01														
19	1	**0038**	Nguyễn Thị Thúy	Hoa	Nữ	28/10/1997	TT Bích Động, Việt Yên	ĐH	Y khoa	Khá	2,81			64	64	Trúng tuyển	
			Điều dưỡng đa khoa (ĐH) chỉ tiêu: 05; trúng tuyển: 05														
20	1	**0238**	Hoàng Thị	Sen	Nữ	16/11/1994	Ngọc Vân, Tân Yên	ĐH	Điều dưỡng	Giỏi	3,52			88	88	Trúng tuyển	
21	2	**0207**	Nguyễn Xuân	Khoa	Nam	05/9/1990	An Hà, Lạng Giang	ĐH	Điều dưỡng	Giỏi	3,31			79	79	Trúng tuyển	
22	3	**0225**	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	06/02/1998	Hoàng Vân, Hiệp Hòa	ĐH	Điều dưỡng	Khá	2,73			74	74	Trúng tuyển	
23	4	**0214**	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	10/12/1990	Hợp Đức, Tân Yên	ĐH	Điều dưỡng	Giỏi	3,51			67	67	Trúng tuyển	
24	5	**0249**	Nguyễn Thị	Thịnh	Nữ	22/02/1998	Đồng Sơn, TP. Bắc Giang	ĐH	Điều dưỡng	TBK	6,75			66,5	66,5	Trúng tuyển	
			BỆNH VIỆN PHỔI														
			Bác sĩ đa khoa: chỉ tiêu: 05; trúng tuyển: 04														
25	1	**0059**	Lê Hạ	Ly	Nữ	08/07/1998	TT Cao Thượng, Tân Yên	ĐH	Bác sỹ Y khoa	Khá	2,98			71	71	Trúng tuyển	
26	2	**0019**	Nguyễn Minh	Đức	Nam	30/10/1998	P. Xương Giang, TPBG	ĐH	Bác sỹ Y khoa	Khá	2,73			63	63	Trúng tuyển	
27	3	**0041**	Khổng Minh	Hoàng	Nam	10/10/1973	Đồng Sơn, TPBG	CKI	Nội khoa	Giỏi	8,50			57,5	57,5	Trúng tuyển	
28	4	**0084**	Vũ Văn	Tần	Nam	14/06/1998	Khám Lạng, Lục Nam	ĐH	Bác sỹ Y khoa	TB	2,46			54	54	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
			Điều dưỡng đa khoa (CĐ): chỉ tiêu: 10; trúng tuyển: 10														
29	1	**0444**	Hoàng Bảo	Yến	Nữ	07/05/1995	Trần Nguyên Hãn, TPBG	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,05	DT	5	83	88	Trúng tuyển	
30	2	**0342**	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	17/11/1992	Ngọc Thiện, Tân Yên	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,26			81	81	Trúng tuyển	
31	3	**0265**	Vũ Thị Ngọc	Anh	Nữ	15/01/1995	Song Mai, TPBG	CĐ	Điều dưỡng	Khá	2,80			80	80	Trúng tuyển	
32	4	**0391**	Nguyễn Thị Minh	Tiến	Nữ	27/05/1987	P. Hoàng Văn Thụ, TPBG	CĐ	Điều dưỡng	Giỏi	8,30			78	78	Trúng tuyển	
33	5	**0338**	Thân Thị	Hường	Nữ	21/09/1994	Song Mai, TPBG	CĐ	Điều dưỡng	Giỏi	8,30			76	76	Trúng tuyển	
34	6	**0406**	Ngô Tất	Thắng	Nam	10/12/2001	TT Thắng, Hiệp Hòa	CĐ	Điều dưỡng	Khá	2,52			75	75	Trúng tuyển	
35	7	**0348**	Ngô Thùy	Linh	Nữ	24/11/2000	TT Cao Thượng, Tân Yên	ĐH	Điều dưỡng	Khá	2,95			74	74	Trúng tuyển	
36	8	**0307**	Hà Thị Minh	Hoa	Nữ	15/04/2000	Trần Nguyên Hãn, TPBG	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,30			73,5	73,5	Trúng tuyển	
37	9	**0394**	Dương Thị	Tuyến	Nữ	12/09/1992	Thượng Lan, Việt Yên	CĐ	Điều dưỡng	Giỏi	8,30			70	70	Trúng tuyển	
38	10	**0428**	Hà Thị Thu	Trang	Nữ	28/12/1996	Xương Giang, TPBG	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,20			70	70	Trúng tuyển	
			BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG														
			Bác sỹ đa khoa: chỉ tiêu: 02; trúng tuyển: 02														
39	1	**0020**	Ngô Thị	Hà	Nữ	10/11/1997	Dương Đức, Lạng Giang	ĐH	Y khoa	Khá	2,67			73	73	Trúng tuyển	
40	2	**0009**	Nghiêm Kim	Cương	Nam	01/02/1998	TT Chũ, Lục Ngạn	ĐH	Y khoa	Khá	2,64	CBB	5	56	61	Trúng tuyển	
			Kỹ thuật y PHCN (ĐH): chỉ tiêu: 03; trúng tuyển: 03														

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
41	1	**0481**	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	20/04/1996	Mỹ Độ, TP BG	ĐH	Kỹ thuật PHCN	Khá	2,89			92	92	Trúng tuyển	
42	2	**0482**	Vi Minh	Anh	Nữ	10/06/2001	Kiên Thành, Lục Ngạn	ĐH	Kỹ thuật PHCN		7,03	DT	5	71	76	Trúng tuyển	
43	3	**0483**	Nguyễn Thị Tú	Mai	Nữ	25/10/2001	TT Cao Thượng, Tân Yên	ĐH	Kỹ thuật PHCN	Khá	2,60			74	74	Trúng tuyển	
			Kỹ thuật viên TTBYT (ĐH): chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
44	1	**0449**	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	03/7/1997	Tân Dĩnh. Lạng Giang	ĐH	Điện tử y tế	Khá	2,50			62	62	Trúng tuyển	
			BỆNH VIỆN UNG BƯỚU														
			Kỹ thuật y Chẩn đoán HA/XQ (ĐH): chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
45	1	**0474**	Đỗ Văn	Thắng	Nam	10/11/2000	Đồng Kỳ, Yên Thế	ĐH	Kỹ thuật hình ảnh y học	Khá	3,01			57	57	Trúng tuyển	
			Dinh dưỡng tiết chế (ĐH): chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
46	1	**0480**	Đỗ Văn	Hiếu	Nam	27/9/1994	Nếnh, Việt Yên	ĐH	Cử nhân Dinh dưỡng	Khá	7,18			62	62	Trúng tuyển	
			BỆNH VIỆN NỘI TIẾT														
			Bác sĩ đa khoa: chỉ tiêu: 05; trúng tuyển: 05														
47	1	**0055**	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	10/04/1998	Lãng Sơn, Yên Dũng	ĐH	Bác sĩ Y khoa	Khá	2,97			63,5	63,5	Trúng tuyển	
48	2	**0057**	Vũ Thị Ngọc	Loan	Nữ	12/01/1997	Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH	Y khoa	Khá	2,59			59,5	59,5	Trúng tuyển	
49	3	**0065**	Nguyễn Ngọc	Minh	Nữ	02/08/1998	An Bá, Sơn Động	ĐH	Bác sĩ Y khoa	TB	2,22			55	55	Trúng tuyển	
50	4	**0004**	Nguyễn Thái	Anh	Nam	15/4/1999	Long Biên, Hà Nội	ĐH	Bác sĩ y khoa		7,46			54	54	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
51	5	**0069**	Nguyễn Thùy	Ninh	Nữ	31/08/1999	Chu Điện, Lục Nam	ĐH	Bác sĩ Y khoa	Khá	3,05			53	53	Trúng tuyển	
			Điều dưỡng đa khoa (CĐ): chỉ tiêu: 08; trúng tuyển: 08														
52	1	**0325**	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	02/10/1992	Cao Xá, Tân Yên	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,60			78	78	Trúng tuyển	
53	2	**0366**	Vũ Thị Hồng	Ngọc	Nữ	10/06/1999	TT Thắng, Hiệp Hòa	CĐ	Điều dưỡng đa khoa	Khá	2,80			76	76	Trúng tuyển	
54	3	**0387**	Hoàng Thúy	Quỳnh	Nữ	15/05/2000	Tân Mỹ, TPBG	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,40			75	75	Trúng tuyển	
55	4	**0381**	Thân Thị	Phượng	Nữ	17/05/1993	Tăng Tiến, Việt Yên	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,80			74,5	74,5	Trúng tuyển	
56	5	**0299**	Thân Thị	Hằng	Nữ	17/03/1996	Nghĩa Trung, Việt Yên	CĐ	Điều dưỡng	Giỏi	3,42			68	68	Trúng tuyển	
57	6	**0377**	Hoàng Đình	Phúc	Nam	01/06/2000	Bích Động, Việt Yên	CĐ	Điều dưỡng	Khá	6,90			67,5	67,5	Trúng tuyển	
58	7	**0267**	Vương Thị Hải	Anh	Nữ	03/02/1992	Trần Nguyên Hãn, TPBG	CĐ	Điều dưỡng	Khá	8,20			65	65	Trúng tuyển	
59	8	**0268**	Phan Thị Vân	Anh	Nữ	16/01/1994	P. Trần Phú, TPBG	CĐ	Điều dưỡng	Giỏi	8,10			65	65	Trúng tuyển	
			Kỹ thuật y Xét nghiệm (CĐ): chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
60	1	**0468**	Đào Thị	Hà	Nữ	31/10/1993	Lan Mẫu, Lục Nam	CĐ	Xét nghiệm y học	TBK	6,80			56	56	Trúng tuyển	
			PHÒNG KHÁM ĐA KHOA GTVT														
			Bác sĩ đa khoa: chỉ tiêu: 04; trúng tuyển: 01														
61	1	**0078**	Vũ Thị	Phương	Nữ	06/09/1998	Ngọc Vân, Tân Yên	ĐH	Bác Sỹ Y khoa	Khá	2,76			58,5	58,5	Trúng tuyển	
			Điều dưỡng đa khoa (CĐ): chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
62	1	**0291**	Nguyễn Hải	Hà	Nữ	02/07/1991	Ngô Quyền, TP BG	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,52			68,5	68,5	Trúng tuyển	
			Kỹ thuật y Xét nghiệm (ĐH): chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
63	1	**0457**	Phạm Thị Vân	Oanh	Nữ	17/03/2001	Quỳnh Sơn, Yên Dũng	ĐH	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Khá	2,77			65	65	Trúng tuyển	
			Kỹ thuật y Chẩn đoán HA/XQ (CĐ): chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
64	1	**0479**	Nguyễn Quang	Tùng	Nam	03/01/1996	Mỹ Thái, Lạng Giang	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh Y học (CĐ)	TBK	6,24			61	61	Trúng tuyển	
			TTYT HUYỆN TÂN YÊN														
			Bộ phận khám chữa bệnh														
			Bác sĩ đa khoa: Chỉ tiêu: 04, trúng tuyển: 04														
65	1	**0083**	Dương Lệ	Quyên	Nữ	01/11/1998	Hoàng Thanh, Hiệp Hòa	ĐH	Bác sĩ y khoa	Khá	2,94			79,5	79,5	Trúng tuyển	
66	2	**0082**	Phạm Minh	Quân	Nam	13/10/1993	TT Cao Thượng, Tân Yên	ĐH	Bác sĩ y khoa	TBK	6,05			71,5	71,5	Trúng tuyển	
67	3	**0085**	Tiêu Thị	Tú	Nữ	11/6/1999	Ngọc Châu, Tân Yên	ĐH	Bác sĩ y khoa	Khá	2,87			68	68	Trúng tuyển	
68	4	**0013**	Nguyễn Thành	Chung	Nam	15/5/1990	Cẩm Khê, Phú Thọ	ĐH	Bác sĩ y khoa	TB	2,24			68	68	Trúng tuyển	
			Bác sĩ Y học cổ truyền: Chỉ tiêu: 01, trúng tuyển: 01														
69	1	**0115**	Hoàng Văn	Phương	Nam	24/8/1995	Thái Sơn, Hiệp Hòa	ĐH	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khá	2,57	CTB	5	63	68	Trúng tuyển	
			Điều dưỡng đa khoa (CĐ): Chỉ tiêu: 04, trúng tuyển: 04														

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
70	1	**0278**	Nguyễn Thị	Bích	Nữ	07/11/1997	Ngọc Châu, Tân Yên	CĐ	Điều dưỡng	Giỏi	8,30	CTB	5	61	66	Trúng tuyển	
71	2	**0392**	Tạ Thanh	Tú	Nam	02/7/1993	Ngọc Châu, Tân Yên	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,20			64	64	Trúng tuyển	
72	3	**0328**	Lục Thị Mai	Hương	Nữ	17/12/1991	Tiến Thắng, Yên Thế	CĐ	Điều dưỡng	TBK	6,81	DT	5	54	59	Trúng tuyển	
73	4	**0269**	Giang Viết	Anh	Nữ	17/7/1995	Lê Lợi, TP Bắc Giang	CĐ	Điều dưỡng	Giỏi	3,53			58,5	58,5	Trúng tuyển	
			Hộ sinh Cao đẳng: Chỉ tiêu: 01, trúng tuyển: 01														
74	1	**0518**	Phan Thị	Nhàn	Nữ	29/5/1991	Chu Điện, Lục Nam	CĐ	Hộ sinh	Khá	3,17			65,5	65,5	Trúng tuyển	
			Bộ phận dự phòng														
			Điều dưỡng đa khoa Cao đẳng: Chỉ tiêu: 02, trúng tuyển: 02														
75	1	**0271**	Nguyễn Trung	Anh	Nữ	04/5/1993	Ngọc Thiện, Tân Yên	ĐH	Điều dưỡng	Khá	7,39			65,5	65,5	Trúng tuyển	
76	2	**0430**	Lâm Thị Luyến	Trang	Nữ	27/7/1993	Lan Giới, Tân Yên	CĐ	Điều dưỡng	TBK	6,47	DT	5	55	60	Trúng tuyển	
			Viên chức Y tế (Trạm Y tế xã)														
			Dược sĩ Cao đẳng: Chỉ tiêu: 04, trúng tuyển: 03														
77	1	**0133**	Lê Thị	Hương	Nữ	27/10/1996	TT Thắng, Hiệp Hòa	CĐ	Dược	Giỏi	3,37			78	78	Trúng tuyển	
78	2	**0156**	Vương Tố	Uyên	Nữ	18/8/1986	Tiên Du, Bắc Ninh	CĐ	Dược	Khá	3,09			77	77	Trúng tuyển	
79	3	**0146**	Nguyễn Văn	Quyết	Nam	14/4/1990	Ngọc Thiện, Tân Yên	CĐ	Dược	Giỏi	8,32			50	50	Trúng tuyển	
			Viên chức Dân số (Trạm Y tế xã)														

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
			Dân số Cao đẳng: Chỉ tiêu: 06; trúng tuyển: 02														
80	1	**0501**	Nguyễn Văn	Tú	Nam	25/12/2000	Bắc Lý, Hiệp Hòa	CĐ	Điều dưỡng (Chứng chỉ chuẩn viên	Khá	7,00			63	63	Trúng tuyển	
81	2	**0491**	Đỗ Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	17/10/1992	TT Cao Thượng, Tân Yên	CĐ	Điều dưỡng (Chứng chỉ chuẩn viên	Giỏi	3,53			54	54	Trúng tuyển	
			TTYT HUYỆN YÊN THẾ														
			Bộ phận khám chữa bệnh														
			Bác sĩ đa khoa: chỉ tiêu: 06; trúng tuyển: 01														
82	1	**0034**	Vũ Trung	Hiếu	Nam	19/08/1996	TT Bố Hạ, Yên Thế	ĐH	Bác sĩ y khoa	TB	2,11			62	62	Trúng tuyển	
			Điều dưỡng đa khoa (ĐH): chỉ tiêu: 05; trúng tuyển: 05														
83	1	**0188**	Trần Thị Mỹ	Duyên	Nữ	25/09/1997	TT Cao Thượng, Tân Yên	ĐH	Điều dưỡng	Giỏi	3,22			78,5	78,5	Trúng tuyển	
84	2	**0220**	Trần Thị	Nga	Nữ	13/02/1995	TT Chũ, Lục Ngạn	ĐH	Điều dưỡng	Giỏi	3,38			78	78	Trúng tuyển	
85	3	**0221**	Phùng Kim	Ngân	Nữ	14/07/2001	TT Phồn Xương, Yên Thế	ĐH	Điều dưỡng	Giỏi	3,25			76	76	Trúng tuyển	
86	4	**0185**	Lê Cao	Cường	Nam	05/9/2001	Đồng Kỳ, Yên Thế	ĐH	Điều dưỡng	TBK	6,96			67,5	67,5	Trúng tuyển	
87	5	**0218**	Thân Thị	Mỹ	Nữ	29/04/1996	Quang Tiến, Tân Yên	ĐH	Điều dưỡng	Giỏi	3,25			57	57	Trúng tuyển	
			Điều dưỡng đa khoa (CĐ): chỉ tiêu: 05; trúng tuyển: 05														
88	1	**0330**	Trần Thị Thu	Hương	Nữ	10/02/1992	Tân Trung, Tân Yên	CĐ	Điều dưỡng	Giỏi	3,37			79	79	Trúng tuyển	
89	2	**0385**	Bùi Thu	Quyên	Nữ	13/01/1998	Phồn Xương, Yên Thế	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,60			79	79	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
90	3	**0347**	Nguyễn Thị	Liễu	Nữ	10/11/1993	Nhã Nam. Tân Yên	CĐ	Điều dưỡng đa khoa	TBK	6,50			74	74	Trúng tuyển	
91	4	**0280**	Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	18/10/1996	Phồn Xương, Yên Thế	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,77			73,5	73,5	Trúng tuyển	
92	5	**0283**	Đặng Thị	Dịu	Nữ	14/06/1991	Hồng Kỳ, Yên Thế	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,07	DT	5	67	72	Trúng tuyển	
			Điều dưỡng GMHS (CĐ): chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
93	1	**0179**	Ngô Thùy	Dung	Nữ	20/02/1997	Phồn Xương, Yên Thế	CĐ	Điều dưỡng gây mê hồi sức	Khá	7,40			73,5	73,5	Trúng tuyển	
			Kỹ thuật viên TTBYT (CĐ): chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
94	1	**0450**	Vũ Đình	Hoạch	Nam	12/12/1991	Đồng Vương, Yên Thế	CĐ	Kỹ thuật thiết bị hình ảnh Y tế	Khá	7,40			54	54	Trúng tuyển	
			Bộ phận dự phòng														
			Dược sỹ ĐH: chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
95	1	**0170**	Hà Lệ	Quyên	Nữ	14/10/1987	TT Phồn Xương, Yên Thế	ĐH	Dược sĩ	Khá	7,65	DT	5	69,5	74,5	Trúng tuyển	
			Viên chức Y tế (Trạm Y tế xã)														
			Điều dưỡng đa khoa (CĐ): chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
96	1	**0322**	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	01/11/2000	Trù Hựu, Lục Ngạn	CĐ	Điều dưỡng	Giỏi	7,70			52	52	Trúng tuyển	
			TTYT HUYỆN VIỆT YÊN														
			Bộ phận khám chữa bệnh														
			Bác sĩ đa khoa: Chỉ tiêu: 08, trúng tuyển: 06														

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
97	1	**0079**	Nguyễn Bảo	Phương	Nam	20/02/1999	TT Bích Động, Việt Yên	ĐH	Bác sĩ y khoa	Khá	7,38			65	65	Trúng tuyển	
98	2	**0080**	Nguyễn Minh	Phương	Nam	05/10/1994	Việt Tiến, Việt Yên	ĐH	Bác sĩ y khoa	TBK	6,64			62	62	Trúng tuyển	
99	3	**0005**	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	22/12/1997	Ngọc Thiện, Tân Yên	ĐH	Bác sĩ y khoa	Khá	2,85			60,5	60,5	Trúng tuyển	
100	4	**0056**	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	03/9/1998	TT Bích Động, Việt Yên	ĐH	Bác sĩ y khoa	Giỏi	3,32			60	60	Trúng tuyển	
101	5	**0073**	Trần Minh	Nghĩa	Nam	13/01/1994	Hương Mai, Việt Yên	ĐH	Bác sĩ y khoa	TBK	6,77			59	59	Trúng tuyển	
102	6	**0075**	Chu Tuấn	Ngọc	Nam	18/12/1993	TT Nếnh, Việt Yên	ĐH	Bác sĩ y khoa	TBK	6,35			53,5	53,5	Trúng tuyển	
			Điều dưỡng đa khoa (ĐH): Chỉ tiêu: 06, trúng tuyển: 06														
103	1	**0246**	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	08/6/1995	TT Bích Động, Việt Yên	ĐH	Điều dưỡng	Khá	7,25			80	80	Trúng tuyển	
104	2	**0193**	Cao Thị	Hành	Nữ	21/6/1995	Xuân Hương, Lạng Giang	ĐH	Điều dưỡng	Khá	2,87			75	75	Trúng tuyển	
105	3	**0261**	Trương Bích	Vân	Nữ	24/10/2001	Hoàng Văn Thụ. TPBG	ĐH	Điều dưỡng	Khá	7,80			74	74	Trúng tuyển	
106	4	**0242**	Chu Thị	Tâm	Nữ	02/4/2001	Liên Sơn, Tân Yên	ĐH	Điều dưỡng	Khá	3,02			71	71	Trúng tuyển	
107	5	**0226**	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	27/7/1999	Thường Thắng, Hiệp Hòa	ĐH	Điều dưỡng	Khá	2,72			69	69	Trúng tuyển	
108	6	**0237**	Đỗ Thu	Sang	Nữ	29/8/2001	TT Bích Động, Việt Yên	ĐH	Điều dưỡng	Khá	2,94			66	66	Trúng tuyển	
			Điều dưỡng đa khoa (CĐ): Chỉ tiêu: 02, trúng tuyển: 02														
109	1	**0293**	Đỗ Thị	Hà	Nữ	10/12/2001	Quảng Minh, Việt Yên	CĐ	Điều dưỡng	Giỏi	3,57			64,5	64,5	Trúng tuyển	
110	2	**0319**	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	02/11/2001	Hương Mai, Việt Yên	CĐ	Điều dưỡng	Khá	3,06			56,5	56,5	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
			Viên chức Y tế (Trạm Y tế xã)														
			Bác sĩ đa khoa: Chỉ tiêu: 06, trúng tuyển: 02														
111	1	**0101**	Nguyễn Viết	Trung	Nam	04/5/1990	Tự Lạn, Việt Yên	ĐH	Bác sĩ y khoa	TB	2,08			66	66	Trúng tuyển	
112	2	**0095**	Trần Tiến	Thịnh	Nam	22/12/1991	TT Bích Động, Việt Yên	ĐH	Bác sĩ y khoa	TBK	6,65			60,5	60,5	Trúng tuyển	
			Điều dưỡng đa khoa (CĐ): Chỉ tiêu: 02, trúng tuyển: 02														
113	1	**0284**	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	17/9/1993	Ngọc Thiện, Tân Yên	CĐ	Điều dưỡng	Giỏi	3,44			65	65	Trúng tuyển	
114	2	**0297**	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	10/01/1995	Vân Hà, Việt Yên	CĐ	Điều dưỡng	XS	3,68			59	59	Trúng tuyển	
			Viên chức Dân số (Trạm Y tế xã)														
			Dân số Cao đẳng: Chỉ tiêu: 07, trúng tuyển: 03														
115	1	**0488**	Đoàn Tuấn	Anh	Nữ	17/5/1986	Vân Trung, Việt Yên	ĐH	Lịch sử (Chứng chỉ chuẩn viên	Khá	7,18			66	66	Trúng tuyển	
116	2	**0494**	Văn Thị	Lê	Nữ	23/01/1982	Lương Phong, Hiệp Hòa	CĐ	Dược (Chứng chỉ chuẩn viên	Giỏi	3,57			60	60	Trúng tuyển	
117	3	**0492**	Trần Thị	Hồng	Nữ	22/01/1987	TT Nếnh, Việt Yên	CĐ	Điều dưỡng (Chứng chỉ chuẩn viên	Khá	8,30			54	54	Trúng tuyển	
			TTYT HUYỆN LẠNG GIANG														
			Bộ phận khám chữa bệnh														
			Điều dưỡng đa khoa (Cao đẳng): chỉ tiêu: 07; trúng tuyển: 07														
118	1	**0388**	Trần Như	Quỳnh	Nữ	12/5/1997	TT Chũ, Lục Ngạn	CĐ	Điều dưỡng	Khá	2,87			76	76	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
119	2	**0301**	Nguyễn Kim	Hằng	Nữ	02/01/1990	TT Thắng, Hiệp Hòa	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,46			76	76	Trúng tuyển	
120	3	**0313**	Ngụy Thị	Hoài	Nữ	25/02/1980	Mỹ Thái, Lạng Giang	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,80			74	74	Trúng tuyển	
121	4	**0331**	Hà Thị Thu	Hương	Nữ	23/01/1997	TT Vôi, Lạng Giang	CĐ	Điều dưỡng	Giỏi	8,40			73	73	Trúng tuyển	
122	5	**0288**	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	24/9/1992	Cao Xá, Tân Yên	CĐ	Điều dưỡng	Giỏi	8,20			62	62	Trúng tuyển	
123	6	**0409**	Đặng Thị Kim	Thoa	Nữ	19/11/1995	Thái Đào, Lạng Giang	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,90			58	58	Trúng tuyển	
124	7	**0312**	Đồng Thị	Hoài	Nữ	23/4/2000	An Hà, Lạng Giang	ĐH	Điều dưỡng	Khá	7,19			57	57	Trúng tuyển	
			Kỹ thuật Y xét nghiệm (Đại học): chỉ tiêu: 02; trúng tuyển: 02														
125	1	**0466**	Đặng Thị Hải	Yến	Nữ	03/11/1997	Chu Điện, Lục Nam	ĐH	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	Khá	7,55			77,5	77,5	Trúng tuyển	
126	2	**0456**	Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	03/7/2001	Dương Đức, Lạng Giang	ĐH	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	Khá	2,87			75,5	75,5	Trúng tuyển	
			Viên chức Y tế (Trạm Y tế xã)														
			Bác sỹ Y học cổ truyền: chỉ tiêu: 02; trúng tuyển: 02														
127	1	**0116**	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	18/11/1996	Xương Lâm, Lạng Giang	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Khá	3,06			75	75	Trúng tuyển	
128	2	**0111**	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	06/02/1999	Xương Giang, TP.Bắc Giang	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	TB	2,49			70	70	Trúng tuyển	
			Điều dưỡng đa khoa (Cao đẳng): chỉ tiêu: 03; trúng tuyển: 03														
129	1	**0289**	Ngô Hương	Giang	Nữ	04/01/2002	TT Vôi, Lạng Giang	CĐ	Điều dưỡng	Giỏi	7,90			64	64	Trúng tuyển	
130	2	**0372**	Bạch Hồng	Nhung	Nữ	19/8/1998	Xương Lâm, Lạng Giang	CĐ	Điều dưỡng	Giỏi	8,40			62	62	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
131	3	**0359**	Vũ Ngọc	Mai	Nữ	18/02/1988	Xương Lâm, Lạng Giang	CĐ	Điều dưỡng	Khá	8,10			55	55	Trúng tuyển	
			Hộ sinh (Cao đẳng): chỉ tiêu: 04; trúng tuyển: 04														
132	1	**0515**	Nguyễn Thị	Chi	Nữ	04/4/1992	Hương Giáng, Yên Dũng	CĐ	Hộ sinh	Khá	7,16			90	90	Trúng tuyển	
133	2	**0521**	Nguyễn Thị Hương	Trang	Nữ	12/9/1993	Đa Mai, TP.Bắc Giang	CĐ	Hộ sinh	Khá	7,80			72	72	Trúng tuyển	
134	3	**0520**	Đặng Thị Phương	Thảo	Nữ	19/10/1998	An Hà, Lạng Giang	CĐ	Hộ sinh	TBK	6,78	DT	5	63,5	68,5	Trúng tuyển	
135	4	**0517**	Ninh Thị	Liên	Nữ	22/6/1993	Tân Dĩnh, Lạng Giang	CĐ	Hộ sinh	TBK	6,19			58,5	58,5	Trúng tuyển	
			Viên chức Dân số (Trạm Y tế xã)														
			Dân số (Cao đẳng): chỉ tiêu: 05; trúng tuyển: 02														
136	1	**0499**	Lưu Thị	Ngọc	Nữ	27/9/1992	TT Chũ, Lục Ngạn	CĐ	Dược (Chứng chỉ chuẩn viên	Khá	2,90	DT	5	76	81	Trúng tuyển	
137	2	**0503**	Lê Thị	Thủy	Nữ	26/8/1987	Thái Đào, Lạng Giang	ĐH	Kế toán (Chứng chỉ chuẩn viên	Khá	2,60			61	61	Trúng tuyển	
			TTYT HUYỆN LỤC NGẠN														
			Bộ phận khám chữa bệnh														
			Bác sỹ đa khoa: chỉ tiêu: 08; trúng tuyển: 08														
138	1	**0061**	Vũ Thị	Lý	Nữ	02/02/1994	Quý Sơn, Lục Ngạn	ĐH	Y Đa khoa	Khá	7,29			80,5	80,5	Trúng tuyển	
139	2	**0093**	Lý Thị	Thêm	Nữ	17/9/1998	Hộ Đáp, Lục Ngạn	ĐH	Y khoa	Khá	2,89	DT	5	66	71	Trúng tuyển	
140	3	**0017**	Đinh Đức	Dương	Nam	15/9/1996	TT Chũ, Lục Ngạn	ĐH	Y Đa khoa	Khá	7,64			69	69	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
141	4	**0051**	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	02/9/1999	TT Chũ, Lục Ngạn	ĐH	Y khoa	Khá	2,93			67,5	67,5	Trúng tuyển	
142	5	**0063**	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	01/5/1997	Thanh Hải, Lục Ngạn	ĐH	Y Đa khoa	Khá	7,52	DT	5	62,5	67,5	Trúng tuyển	
143	6	**0098**	Ngô Thị	Thúy	Nữ	10/6/1996	TT An Châu, Sơn Động	ĐH	Y khoa	Khá	2,58	DT	5	62	67	Trúng tuyển	
144	7	**0035**	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	26/9/1997	TT An Châu, Sơn Động	ĐH	Y khoa	Khá	2,66	DT	5	60	65	Trúng tuyển	
145	8	**0023**	Lâm Thị	Hạnh	Nữ	21/4/1998	Kiên Lao, Lục Ngạn	ĐH	Y khoa	Khá	3,10	DT	5	59,5	64,5	Trúng tuyển	
			Điều dưỡng đa khoa (Đại học): chỉ tiêu: 03; trúng tuyển: 03														
146	1	**0182**	Vi Thị Minh	Anh	Nữ	22/10/1999	Thanh Hải, Lục Ngạn	ĐH	Điều dưỡng	Khá	2,59	DT	5	65	70	Trúng tuyển	
147	2	**0184**	Chu Ngọc	Bích	Nữ	20/5/1993	TT An Châu, Sơn Động	ĐH	Điều dưỡng	Khá	2,54	DT	5	64	69	Trúng tuyển	
148	3	**0252**	Trần Thị	Thủy	Nữ	02/02/1997	TT Chũ, Lục Ngạn	ĐH	Điều dưỡng	TBK	6,98			66	66	Trúng tuyển	
			Điều dưỡng đa khoa (Cao đẳng): chỉ tiêu: 08; trúng tuyển: 08														
149	1	**0314**	Dương Thị	Hoài	Nữ	08/01/1992	Vân Sơn, Sơn Động	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,33	DT	5	79	84	Trúng tuyển	
150	2	**0303**	Phạm Thị	Hậu	Nữ	22/12/1993	Giáp Sơn, Lục Ngạn	CĐ	Điều dưỡng	Khá	2,96	DT	5	77	82	Trúng tuyển	
151	3	**0302**	Phan Thị Thúy	Hằng	Nữ	05/01/1996	TT An Châu, Sơn Động	CĐ	Điều dưỡng	Khá	3,00			75	75	Trúng tuyển	
152	4	**0398**	Lương Văn	Thành	Nam	15/10/1991	Hộ Đáp, Lục Ngạn	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,26	DT	5	69,5	74,5	Trúng tuyển	
153	5	**0402**	Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	02/12/1998	TT Đồi Ngô, Lục Nam	CĐ	Điều dưỡng	Khá	2,88			72	72	Trúng tuyển	
154	6	**0332**	Nguyễn Vũ Quỳnh	Hương	Nữ	15/12/2002	Thanh Hải, Lục Ngạn	CĐ	Điều dưỡng	Giỏi	3,32			70	70	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
155	7	**0407**	Phạm Minh	Thắng	Nam	02/5/1995	TT Chũ, Lục Ngạn	CĐ	Điều dưỡng	Giỏi	7,90	DT	5	60	65	Trúng tuyển	
156	8	**0373**	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	21/02/2002	Hồng Giang, Lục Ngạn	CĐ	Điều dưỡng	Giỏi	7,90			64,5	64,5	Trúng tuyển	
			Hộ sinh (Cao đẳng): chỉ tiêu: 02; trúng tuyển: 01														
157	1	**0519**	Ngô Thị Lệ	Quyên	Nữ	04/11/1997	Tân Mộc, Lục Ngạn	CĐ	Hộ sinh	Khá	7,10			67	67	Trúng tuyển	
			Bộ phận dân số														
			Dân số (Đại học): chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
158	1	**0486**	Nông Công	Minh	Nam	06/7/2000	Phong Minh, Lục Ngạn	ĐH	Luật Kinh tế (Chứng chỉ chuẩn viên chức dân số)	Khá	3,22			66	66	Trúng tuyển	
			Viên chức Y tế (Trạm Y tế xã)														
			Điều dưỡng Đa khoa (Cao đẳng): chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
159	1	**0396**	Lương Thị	Thanh	Nữ	04/8/1995	Xương Giang, TP.Bắc Giang	CĐ	Điều dưỡng	Giỏi	8,00			57	57	Trúng tuyển	
			Y sỹ Đa khoa: chỉ tiêu: 03; trúng tuyển: 01														
160	1	**0540**	Nông Thị	Yến	Nữ	27/02/1992	Tân Quang, Lục Ngạn	TC	Y sỹ	Giỏi	7,80			56,5	56,5	Trúng tuyển	
			Viên chức Dân số (Trạm Y tế xã)														
			Dân số (Cao đẳng): chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
161	1	**0498**	Hoàng Thị	Nghiệp	Nữ	17/10/1990	Phong Vân, Lục Ngạn	ĐH	Dân số và Phát triển (Chứng chỉ	Khá	3,09	DT	5	68	73	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
			TTYT HUYỆN HIỆP HÒA														
			Bộ phận khám chữa bệnh														
			Bác sĩ đa khoa: chỉ tiêu: 03; trúng tuyển: 03														
162	1	**0001**	Dương Thái	An	Nam	16/10/1999	TT Thắng, Hiệp Hòa	ĐH	Y khoa	Khá	7,41			73	73	Trúng tuyển	
163	2	**0011**	Lê Thị Tuyết	Chinh	Nữ	29/07/1999	Yên Sơn, Lục Nam	ĐH	Y khoa	Khá	2,85			73	73	Trúng tuyển	
164	3	**0097**	Dương Thị	Thủy	Nữ	08/04/1996	Tiên Sơn, Việt Yên	ĐH	Y khoa	Khá	3,13			67	67	Trúng tuyển	
			Bác sỹ răng hàm mặt: chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
165	1	**0511**	Đào Thị Ngọc	Mai	Nữ	11/4/1996	Ngọc Sơn, Hiệp Hòa	ĐH	Bác sĩ Răng hàm mặt	Khá	2,77			86	86	Trúng tuyển	
			Hộ sinh ĐH: chỉ tiêu: 02; trúng tuyển: 01														
166	1	**0512**	Nguyễn Thị Hương	Anh	Nữ	15/09/2000	Ngọc Lý, Tân Yên	ĐH	Hộ sinh	Khá	2,88			57,5	57,5	Trúng tuyển	
			Công tác Xã hội: chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
167	1	**0506**	Lã Thị Ngọc	Hoa	Nữ	11/12/1987	TT Thắng. Hiệp Hòa	ĐH	Công tác XH	Khá	7,52			54	54	Trúng tuyển	
			Trạm Y tế														

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
			Viên chức Dân số CĐ: chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
168	1	**0504**	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	15/06/2000	Bắc Lý, Hiệp Hòa	CĐ	Điều dưỡng (Chứng chỉ chuẩn viên	Khá	8,00			78	78	Trúng tuyển	
			TTYT HUYỆN LỤC NAM														
			Bộ phận khám chữa bệnh														
			Bác sĩ đa khoa: chỉ tiêu: 02; trúng tuyển: 02														
169	1	**0022**	Nguyễn Phương	Hải	Nữ	30/10/1999	TT Đồi ngô, Lục Nam	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Khá	2,99			77	77	Trúng tuyển	
170	2	**0062**	Vương Thị Thanh	Mai	Nữ	28/09/1999	Đông Phú, Lục Nam	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Khá	2,75	DT	5	65	70	Trúng tuyển	
			Bác sĩ Y học cổ truyền: chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
171	1	**0112**	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	27/02/1995	Dương Hưu, Sơn Động	ĐH	Bác sỹ Y học Cổ truyền	TB	2,40	DT	5	82	87	Trúng tuyển	
			Dược sĩ Đại học: chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
172	1	**0168**	Trần Ngọc	Phan	Nam	06/08/2000	Quý Sơn, Lục Ngạn	ĐH	Dược sĩ	Giỏi	3,21			56	56	Trúng tuyển	
			Điều dưỡng đa khoa Đại học: chỉ tiêu: 05; trúng tuyển: 05														
173	1	**0199**	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	11/4/2000	Bảo Sơn, Lục Nam	ĐH	Điều dưỡng	Khá	2,94	DT	5	73	78	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
174	2	**0232**	Nguyễn Thi	Phượng	Nữ	05/05/1999	Bảo Đài, Lục Nam	ĐH	Điều dưỡng	TBK	6,94	DT	5	64	69	Trúng tuyển	
175	3	**0198**	Ngô Thị	Hiền	Nữ	06/08/1999	Thanh Luận, Sơn Động	ĐH	Điều dưỡng	Khá	2,88			66,5	66,5	Trúng tuyển	
176	4	**0196**	Bùi Thị	Hệ	Nữ	20/04/1991	Trường Sơn, Lục Nam	ĐH	Điều dưỡng	Khá	2,76			65,5	65,5	Trúng tuyển	
177	5	**0213**	Lương Thị Thanh	Loan	Nữ	17/03/1990	Lan Mẫu, Lục Nam	ĐH	Điều dưỡng	Giỏi	3,47			64	64	Trúng tuyển	
			Bộ phận dân số														
			Dân số Đại học: chỉ tiêu: 03; trúng tuyển: 01														
178	1	**0487**	Phạm Thị	Quý	Nữ	07/02/1991	Nghĩa Phương, Lục Nam	ĐH	Môi trường (Chứng chỉ chuẩn viên chức dân số)	TB	2,27			70	70	Trúng tuyển	
			Viên chức Dân số (Trạm Y tế xã)														
			Dân số Cao đẳng: chỉ tiêu: 09; trúng tuyển: 05														
179	1	**0497**	Vũ Thị	Mến	Nữ	29/08/1993	Đan Hội, Lục Nam	CĐ	Điều dưỡng (Chứng chỉ chuẩn viên	TB	6.87			72	72	Trúng tuyển	
180	2	**0505**	Vi Thị Ngọc	Vân	Nữ	15/06/1995	Phong Minh, Lục Ngạn	CĐ	Dược sỹ (Chứng chỉ	Khá	7,30			70	70	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
181	3	**0490**	Trần Văn	Đông	Nam	01/10/1989	Giáp Sơn, Lục Ngạn	CĐ	Điều dưỡng (Trung cấp Dân số - y tế; Chứng chỉ	Khá	8,10	DT	5	62	67	Trúng tuyển	
182	4	**0496**	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	05/7/1990	Yên Sơn, Lục Nam	CĐ	Điều dưỡng (Chứng chỉ chuẩn viên	Giỏi	8,30			65	65	Trúng tuyển	
183	5	**0493**	Đỗ Thị	Hương	Nữ	06/8/1993	Đồi Ngô, Lục Nam	CĐ	Điều dưỡng (Chứng chỉ chuẩn viên chức dân số)	Khá	8,20			53,25	53,25	Trúng tuyển	
			TTYT HUYỆN YÊN DŨNG														
			Bộ phận khám chữa bệnh														
			Bác sĩ đa khoa: chỉ tiêu: 05; trúng tuyển: 04														
184	1	**0012**	Nguyễn Thùy	Chinh	Nữ	19/08/1999	Canh Nậu, Yên Thế	ĐH	Y Đa khoa	Khá	2,79	DT	5	68	73	Trúng tuyển	
185	2	**0045**	Nguyễn Văn	Huy	Nam	20/03/1996	Tiền Phong Yên Dũng	ĐH	Y Đa khoa	TBK	6,43			69,5	69,5	Trúng tuyển	
186	3	**0081**	Đỗ Anh	Quang	Nam	11/08/1993	Trần Nguyên Hãn, TP. Bắc Giang	ĐH	Bác sĩ Y khoa	TBK	6,67			53,5	53,5	Trúng tuyển	
187	4	**0052**	Đỗ Quốc	Khánh	Nam	29/10/1999	Thái Đào, Lạng Giang	ĐH	Bác sĩ Y khoa	TB	2,26			53,5	53,5	Trúng tuyển	
			Bác sĩ Y học cổ truyền: chỉ tiêu: 02; trúng tuyển: 02														

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
188	1	**0117**	Trần Thị	Thu	Nữ	15/9/1998	Song Mai, TP. Bắc Giang	ĐH	Y học cổ truyền	Khá	2,58			80	80	Trúng tuyển	
189	2	**0107**	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	20/02/1992	Tăng Tiến, Việt Yên	ĐH	Y học cổ truyền	Khá	3,03			77	77	Trúng tuyển	
			Điều dưỡng đa khoa (Đại học): chỉ tiêu: 08; trúng tuyển: 08														
190	1	**0255**	Đồng Thị	Thư	Nữ	29/04/2000	Đức Giang, Yên Dũng	ĐH	Điều dưỡng	Khá	3,07			83	83	Trúng tuyển	
191	2	**0253**	Nguyễn Thị Minh	Thúy	Nữ	22/11/1994	TT Thắng, Hiệp Hòa	ĐH	Điều dưỡng	Giỏi	3,27			80	80	Trúng tuyển	
192	3	**0224**	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	16/04/1998	Xuân Phú, Yên Dũng	ĐH	Điều dưỡng	Khá	2,92			70	70	Trúng tuyển	
193	4	**0227**	Lê Thị	Oanh	Nữ	13/09/1991	Nham Biền, Yên Dũng	ĐH	Điều dưỡng	Khá	3,11			68	68	Trúng tuyển	
194	5	**0208**	Nguyễn Thị Hồng	Lan	Nữ	10/05/1994	Yên Lư, Yên Dũng	ĐH	Điều dưỡng	Giỏi	3,34			68	68	Trúng tuyển	
195	6	**0186**	Lê Thị Linh	Chi	Nữ	15/08/1999	Tam Hiệp, Yên Thế	ĐH	Điều dưỡng	Khá	2,61			68	68	Trúng tuyển	
196	7	**0258**	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	30/05/1991	Yên Lư, Yên Dũng	ĐH	Điều dưỡng	Khá	2,72			65	65	Trúng tuyển	
197	8	**0259**	Ngụy Thị	Trang	Nữ	26/08/1990	Cảnh Thụy, Yên Dũng	ĐH	Điều dưỡng	Khá	2,88			64,5	64,5	Trúng tuyển	
			Điều dưỡng đa khoa (Cao đẳng): chỉ tiêu: 07; trúng tuyển: 07														

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
198	1	**0434**	Đinh Thị Thu	Trang	Nữ	13/07/1990	Nham Biền, Yên Dũng	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,59			84	84	Trúng tuyển	
199	2	**0405**	Đặng Thị	Thảo	Nữ	09/07/1991	Lãng Sơn, Yên Dũng	CĐ	Điều dưỡng	XS	3,73			68	68	Trúng tuyển	
200	3	**0294**	Ngụy Thị	Hải	Nữ	20/08/1991	Nham Biền, Yên Dũng	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,46			68	68	Trúng tuyển	
201	4	**0433**	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	14/01/1990	Nham Biền, Yên Dũng	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,36			67	67	Trúng tuyển	
202	5	**0382**	Lê Thị Hồng	Phượng	Nữ	05/07/1989	Nham Biền, Yên Dũng	CĐ	Điều dưỡng	Khá	6,91			67	67	Trúng tuyển	
203	6	**0282**	Vũ Thị Hồng	Chinh	Nữ	23/07/1993	Dĩnh Kế, TP.Bắc Giang	CĐ	Điều dưỡng	Giỏi	3,37			65,5	65,5	Trúng tuyển	
204	7	**0404**	Thân Thị	Thảo	Nữ	12/06/1993	Đồng Phúc, Yên Dũng	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,28			63	63	Trúng tuyển	
			Viên chức Y tế (Trạm Y tế xã)														
			Bác sĩ đa khoa: chỉ tiêu: 02; trúng tuyển: 01														
205	1	**0008**	Hoàng Thành	Công	Nam	11/11/1992	P. Cộng Hòa, TP Chí Linh, HD	ĐH	Y khoa	TBK	6,11			55,5	55,5	Trúng tuyển	
			Dược sĩ Cao đẳng: chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
206	1	**0128**	Hoàng Thu	Hằng	Nữ	07/07/1999	Nham Biền, Yên Dũng	CĐ	Dược	Khá	2,85			77	77	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
			Điều dưỡng đa khoa (Cao đẳng): chỉ tiêu: 02; trúng tuyển: 02														
207	1	**0305**	Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	25/07/1992	Song Mai, TP. Bắc Giang	ĐH	Điều dưỡng	Giỏi	8,20			83	83	Trúng tuyển	
208	2	**0335**	Lê Thị Thu	Hương	Nữ	06/04/1992	Nham Biền, Yên Dũng	CĐ	Điều dưỡng	TBK	6,31			65,5	65,5	Trúng tuyển	
			Viên chức Dân số (Trạm Y tế xã)														
			Dân số (Cao đẳng): chỉ tiêu: 03; trúng tuyển: 01														
209	1	**0502**	Phạm Văn	Thành	Nam	06/11/1977	Nham Biền, Yên Dũng	ĐH	Kế toán; (Chứng chỉ chuẩn viên chức dân số)	Khá	7,95			63	63	Trúng tuyển	
	B		**ĐƠN VỊ CHƯA TỰ CHỦ**														
			TTYT CÁC KHU CÔNG NGHIỆP														
			Điều dưỡng đa khoa (Cao đẳng): chỉ tiêu: 02; trúng tuyển: 02														
210	1	**0362**	Thân Thành	Nam	Nam	25/04/1998	Bích Động, Việt Yên	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,03			75	75	Trúng tuyển	
211	2	**0324**	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	10/02/1993	Mai Trung, Hiệp Hòa	CĐ	Điều dưỡng	Khá	7,48			61	61	Trúng tuyển	
			TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGÔ GIA TỰ BẮC GIANG														
			Bác sĩ Y học cổ truyền: chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
212	1	**0108**	Trần Bích	Hồng	Nữ	20/07/1994	Đại hóa, Tân Yên	ĐH	Y học cổ truyền	Khá	2,81			65	65	Trúng tuyển	
			Dược sĩ (Đại học): chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
213	1	**0157**	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	19/09/2000	Ngô Quyền, TP.Bắc Giang	ĐH	Dược học	Khá	7,69			80	80	Trúng tuyển	
			Kỹ thuật y xét nghiệm (Đại học): chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
214	1	**0453**	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	03/12/1992	Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang	ĐH	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	Giỏi	3,27			57	57	Trúng tuyển	
			TTYT THÀNH PHỐ BẮC GIANG														
			Bộ phận dự phòng														
			Dược sỹ ĐH: chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
215	1	**0161**	Nguyễn Thị Hà	Hoa	Nữ	06/01/1987	Mỹ Độ, TP BG	ĐH	Dược	Khá	2,63			59,5	59,5	Trúng tuyển	
			Viên chức Y tế (Trạm Y tế)														
			Bác sỹ Y học dự phòng: chỉ tiêu: 02; trúng tuyển: 02														
216	1	**0510**	Ngô Thị Lan	Hương	Nữ	14/10/1998	Việt Lập, Tân Yên	ĐH	BS y học dự phòng	Khá	7,08			65	65	Trúng tuyển	
217	2	**0508**	Vũ Thị	Ánh	Nữ	24/12/1997	Lệ Viễn, Sơn Động	ĐH	BS y học dự phòng	Khá	2,69	DT	5	51	56	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm thi	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15 = 13+14*	*16*	*17*
			Dược sỹ ĐH: chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01														
218	1	**0173**	Nguyễn Thị Hồng	Thu	Nữ	15/10/1996	Xuân Phú, Yên Dũng	ĐH	Dược	Khá	2,55			67,5	67,5	Trúng tuyển	
			Điều dưỡng ĐK (ĐH): chỉ tiêu: 02; trúng tuyển: 02														
219	1	**0231**	Nguyễn Lan	Phương	Nữ	01/4/1998	Đường Vương Văn Trà, TP BG	ĐH	Điều dưỡng ĐK	Khá	7,04			59	59	Trúng tuyển	
220	2	**0187**	Nguyễn Thị	Chiến	Nữ	22/7/1994	Đa Mai, TP BG	ĐH	Điều dưỡng ĐK	TBK	6,92			57	57	Trúng tuyển	
			Dân số CĐ: chỉ tiêu: 03; trúng tuyển: 02														
221	1	**0495**	Vũ Ngọc Thảo	Linh	Nữ	17/9/1996	Hoàng Văn Thụ, TP Bắc Giang	ĐH	Điều dưỡng (Chứng chỉ chuẩn viên chức dân số)	Giỏi	3,29			61	61	Trúng tuyển	
222	2	**0489**	Nguyễn Thị	Châm	Nữ	27/09/1990	TT Đồi Ngô, Lục Nam	CĐ	Dược (Chứng chỉ chuẩn viên chức dân số)	Khá	8,10			53	53	Trúng tuyển	